

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 33/2020/DS- PT.

Ngày 19 -5-2020

V/v: “ Tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền;

Ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLPT – DS ngày 25/02/2020 về việc “Tranh
chấp thừa kế quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DS –ST ngày
29/11/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐ-PT ngày 24/4/2020 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐ-PT ngày 07/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1940 (có mặt).

Địa chỉ: Số 208, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Luật sư trợ giúp pháp lý cho bà T : Ông Phạm Văn B – Luật sư của Văn
phòng Luật sư P X A – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Các đồng bị đơn:

1. Anh Cao Ngọc H, sinh năm 1976 (có kháng cáo, có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 208, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.Chị Cao Thị Y, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 29/41 phố C, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội - Do Bà Ngô Thị T là đại diện theo ủy quyền.

2. Anh Cao Ngọc Ksinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Cao Ngọc S, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 208, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang - Do Bà Ngô Thị T là đại diện theo ủy quyền.

4. Chị Cao Thị Kim T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 208, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang - Do Bà Ngô Thị T là đại diện theo ủy quyền.

5. Chị Cao Ngọc N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đội 1, T T O, huyện T, thành phố Hà Nội - Do Bà Ngô Thị T là đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2018 và các lời khai tiếp sau, nguyên đơn Bà Ngô Thị T trình bày: Năm 1970 ông Cao Ngọc H(chồng bà T) được UBHC xã Y, huyện L, tỉnh Hà Bắc cấp cho diện tích 364m² đất tại địa chỉ: phố V, xã Y, huyện L để làm đất ở; ngay sau khi được cấp đất, ông, bà đã làm nhà cấp 4 ở trên đất này; đến ngày 05/4/2002 được UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ, mang tên hộ ông Cao Ngọc H, với diện tích 364m² (trong đó 340,2m² đất ở, 23,8m² đất vườn), thửa số 99, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Số 208, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sinh thời ông, bà sinh được 06 người con là Cao Thị Y, sinh năm 1970, Cao Ngọc K, sinh năm 1972, Cao Ngọc S, sinh năm 1974, Cao Ngọc H, sinh năm 1976, Cao Thị Kim T, sinh năm 1979, Cao Ngọc N, sinh năm 1981.

Ngày 01/9/2003 ông H, bà T có lập bản di chúc chung của vợ chồng để chia đất cho các con, di chúc được UBND thị trấn V chứng thực ngày 03/10/2003. Nội dung di chúc của ông, bà chia đất nêu trên cho 04 người con như sau:

1/ Chia cho Cao Ngọc N diện tích 85,8 m²; có các cạnh: Phía Đông giáp hành lang đường sắt; Phía Tây giáp đất bà Ngụy Thị N; Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Công T; Phía Bắc Giáp đất Anh Cao Ngọc S.

2/ Chia cho Cao Ngọc S diện tích 86,2 m²; có các cạnh: Phía Đông giáp hành lang đường sắt; Phía Tây giáp đất bà Cao Thị N; Phía Nam giáp đất Cao Thị N; Phía Bắc Giáp đất Anh Cao Ngọc H.

3/ Chia cho Cao Ngọc H diện tích 93,8 m²; có các cạnh: Phía Đông giáp hành lang đường sắt; Phía Tây giáp đất bà Cao Thị N; Phía Nam giáp đất Cao Ngọc S; Phía Bắc Giáp đất Cao Thị Kim T. Cuối năm 2003 vợ chồng anh H, chị H xây nhà trên đất được chia để ở riêng.

4/ Chia cho Cao Thị Kim T diện tích 98,2 m²; có các cạnh: Phía Đông giáp hành lang đường sắt; Phía Tây giáp đất bà Cao Thị N; Phía Nam giáp đất Cao Ngọc H; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Đ và ông Dương Văn T.

Tháng 12/2005 ông Hồ bị bệnh chết; nay do anh H, chị H đối xử không tốt với bà, nên bà đòi lại $\frac{1}{2}$ diện tích 93,8 m² đất chia cho anh Hà = 46,9 m² là phần đất trong di chúc chung của bà và ông H, vì phần di chúc chung của bà với ông H chưa có hiệu lực. Ngoài ra bà yêu cầu anh H, chị H trả tiền gạch + gỗ do anh H dỡ nhà cũ của bà để làm nhà bếp của anh H hiện nay, có giá trị khoảng 2.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà Toán không yêu cầu anh H, chị H trả 2.000.000đồng tiền gạch+gỗ của căn nhà cũ anh chị đã tháo dỡ.

- Tại bản khai ngày 10/7/2019 và các lời khai tiếp sau, bị đơn Anh Cao Ngọc H và Chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 01/9/2003 ông Cao Ngọc H, Bà Ngô Thị T (bố mẹ anh H) có lập di chúc chung chia đất cho các con, di chúc được UBND thị trấn V chứng thực ngày 03/10/2003. Nguồn gốc đất này do UBHC xã Y, huyện L, tỉnh Hà Bắc cấp cho ông H để làm đất ở từ năm 1970 và đến năm 2002 thì được UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, tên họ ông Cao Ngọc H. Nội dung di chúc chia đất cho 04 người con; trong đó, anh H được chia diện tích 93,8 m². Sau khi được chia đất vợ chồng anh làm nhà cấp 4 trên đất được chia để ở riêng; đến tháng 12/2005 thì ông H chết và bà T không có ý kiến gì về di chúc này.

Nay bà T kiện yêu cầu vợ chồng anh, chị trả bà Toán diện tích 46,9 m² đất phần của bà T trong di chúc chung với ông H, thì anh chị đồng ý, vì anh, chị biết phần di chúc của bà T chưa có hiệu lực. Song anh, chị xin được trả cho bà T bằng tiền theo giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương đã định giá là 17.000.000đ/m² x 46,9 m² = 797.300.000đồng; lý do, nếu trả cho bà Toán bằng đất, thì diện tích đất mà anh được hưởng thừa kế của ông H không đủ kích thước để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà T không đồng ý lấy tiền thì anh, chị yêu cầu giao cho bà T sử dụng toàn bộ diện tích 93,8 m² đất, trong đó có 46,9 m² đất là phần của anh H được thừa kế của ông H và bà Toán có nghĩa vụ trả anh H tiền theo giá chuyển nhượng thực tế là 17.000.000đ/m x 246,9 m² = 797.300.000đồng, đồng thời bà T có nghĩa vụ trả tiền các công trình xây dựng trên đất theo định giá tài sản là 33.825.700đồng.

Anh, chị không đồng ý trả bà T 2.000.000đồng tiền gạch + gỗ nhà cũ, vì anh, chị không sử dụng vật liệu này để xây nhà bếp của mình.

- Tại bản khai ngày 31/5/2019, và các lời khai tiếp sau, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Ngọc K trình bày: Ngày 01/9/2003 ông H, bà T có lập di chúc chung để chia đất cho 4 người con. Nội dung di chúc chia cho Cao Ngọc N diện tích 85,8 m²; chia cho Cao Ngọc S diện tích 86,2 m², chia cho Cao Ngọc H diện tích 93,8 m², chia cho Cao Thị Kim T diện tích 98,2 m² và di chúc này được các con trong gia đình đồng ý. Sau khi được chia đất thì vợ chồng anh H đã làm nhà trên đất và bà T không có ý kiến gì. Nay bà T kiện đòi anh H, chị H trả cho bà T diện tích đất là 46,9 m² là không đúng sự thật, nên anh đề nghị Tòa án giao toàn bộ diện tích 93,8 m² đất đã được chia cho anh H theo di chúc, để anh H tiếp tục sử dụng. Do công việc bận, nên anh đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Với nội dung trên, bản án số 73/2019/DSST ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân huyện L đã Quyết định: Áp dụng các Điều 166, 609, 611, 612, 613, 614, 616, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 643 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Ngô Thị T đòi Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H trả cho Bà Ngô Thị T diện tích 46,9 m² đất, tại thửa số 99, tờ bản đồ số 23, địa chỉ thửa đất: Số 208, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Giao cho Bà Ngô Thị T sử dụng toàn bộ diện tích 105,7 m² đất (theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất), có các cạnh: A - B = 3.76m, B - H = 25.74m, H - G = 1.15m, G - F = 3.56m, F - E = 2.57m, E - A = 29.27m; Trong đó có diện tích 93,8m² đất theo di chúc (anh Hà được hưởng diện tích 46,9 m² có giá trị 797.300.000đồng, Bà Ngô Thị T được hưởng diện tích 46,9m² có giá trị 797.300.000đồng) có các cạnh: A - B = 3.76m, B - C = 24.95m, C - D = 3.75m, D - A = 25.0 m, tại thửa số 99, tờ bản đồ số 23, địa chỉ thửa đất: Số 208, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Cao Ngọc H ngày 05/4/2002 (có sơ đồ kèm theo bản án) và các công trình xây dựng trên đất gồm: 01 nhà ở cấp 4 diện tích 22,56m², lợp mái tôn, cửa xếp sắt, trần tôn có giá trị 27.410.400đồng; 01 công trình phụ diện tích 13,5m² có giá trị 1.417.500đồng; 01 bán mái Prô xi măng diện tích 15,4m² có giá trị 2.071.000đồng; 01 tường bao xây cay bê tông diện tích 13,5m² có giá trị 2.926.800đồng. Bà Ngô Thị T phải trích trả cho Anh Cao Ngọc H trị giá đất 46,9m² tương ứng số tiền định giá là 797.300.000đồng và trích trả cho Anh Cao Ngọc

H, Chị Nguyễn Thị H trị giá các công trình xây dựng trên đất tương ứng số tiền định giá là 33.825.700đồng. Bà Ngô Thị T, Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ làm các thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về án phí, chi phí tố tụng: Anh Cao Ngọc H và Chị Nguyễn Thị H phải chịu 35.892.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Ngô Thị T. Bà Ngô Thị T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí định giá tài sản và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất, nhưng được trừ vào số tiền 6.000.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng mà bà Toán đã nộp. Xác nhận bà Toán đã thi hành xong. Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H phải trả chịu 3.000.000 đồng chi phí định giá tài sản và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất, để trả cho Bà Ngô Thị T 3.000.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên các nội dung có liên quan đến pháp luật về thi hành án dân sự, quyền kháng cáo.

Do Anh Cao Ngọc H và Chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 13/12/2019, Tòa án nhân dân huyện L đã giao bản án cho Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 20/12/2019, Anh Cao Ngọc H nộp đơn kháng cáo, nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án. Anh Cao Ngọc H đề nghị được nhận 46,9m² đất thuộc quyền sử dụng của Bà Ngô Thị T đã được chia cho anh theo nội dung văn bản Di chúc để lại tài sản đất ở cho các con của ông Cao Ngọc H và bà Ngô Thị T lập chung ngày 01/9/2003, Anh Cao Ngọc H trả cho Bà Ngô Thị T giá trị quyền sử dụng đất tính ra tiền là 797.300.000đồng; không đồng ý chịu án phí và chi phí định giá tài sản; đề nghị xem xét lại kích thước sơ đồ đo vẽ của Tòa án sơ thẩm vì nhà vợ chồng anh xây dựng nằm trên hành lang đường sắt.

Tại phiên tòa phúc thẩm Bà Ngô Thị T không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, Anh Cao Ngọc H không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo.

Tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Bà Ngô Thị T đồng ý giao cho Anh Cao Ngọc H toàn bộ diện tích 105,7 m² đất (theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất). Trong đó có diện tích 93,8m² đất theo di chúc (anh Hà được hưởng diện tích 46,9 m², phần của Bà Ngô Thị T được hưởng diện tích 46,9m² có giá trị 797.300.000đồng bà đồng ý nhận bằng tiền mặt do anh H trích trả; Theo nội dung “Di chúc để lại tài sản đất ở cho các con” ngày 01/9/2003 ông Cao Ngọc H và Bà Ngô Thị T lập chung thì diện tích cho Anh Cao Ngọc H là 93,8m², diện tích theo kết quả đo vẽ, thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là 105,7m², diện tích dôi dư là 11,9m² bà Toán đồng ý giao cho Anh Cao Ngọc H. Các tài sản là

công trình xây dựng trên đất là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Hà, chị Hoa, bà không có tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H cùng thống nhất đồng ý với ý kiến của Bà Ngô Thị T, đồng ý nhận toàn bộ diện tích 105,7 m² đất (theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất). Trong đó có diện tích 93,8m² đất theo di chúc (anh Hà được hưởng diện tích 46,9 m² và 11,9m² đất dôi dư, phần của Bà Ngô Thị T được hưởng diện tích 46,9m² anh Hà có trách nhiệm trích trả cho Bà Ngô Thị T 797.300.000đồng; anh H, chị H đồng ý chịu 3.000.000đồng tiền chi phí định giá tài sản và tiền chi phí đo vẽ hiện trạng đất để trả lại cho Bà Ngô Thị T.

Luật sư trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Ngô Thị T phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của Bà Ngô Thị T, Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Xét thấy các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của Bà Ngô Thị T, Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 29/11/2019, Tòa sơ thẩm tuyên án, ngày 13/12/2019 Anh Cao Ngọc H nhận được bản án sơ thẩm, ngày 20/12/2019 Anh Cao Ngọc H nộp đơn kháng cáo đồng thời nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Kháng cáo của Anh Cao Ngọc H trong hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Anh Cao Ngọc H, và ý kiến của Bà Ngô Thị T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, tại phiên tòa Bà Ngô Thị T và Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H cùng tự nguyện thống nhất thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của Anh Cao Ngọc H, sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 666, 667 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 166, 609, 611, 612, 613, 614, 616, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 643 điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của Bà Ngô Thị T với Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H. Giao cho Anh Cao Ngọc H sử dụng toàn bộ diện tích 105,7 m² đất (theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất), có các cạnh: A - B = 3.76m, B - H = 25.74m, H - G = 1.15m, G - F = 3.56m, F - E = 2.57m, E - A = 29.27m; địa chỉ thửa đất: Số 208, đường Hồ Cát, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Cao Ngọc H ngày 05/4/2002 (có sơ đồ kèm theo bản án) và các công trình xây dựng trên đất gồm: 01 nhà ở cấp 4 diện tích 22,56m², lợp mái tôn, cửa xếp sắt, trần tôn có giá trị 27.410.400đồng; 01 công trình phụ diện tích 13,5m² có giá trị 1.417.500đồng; 01 bán mái Pơ rô xi măng diện tích 15,4m² có giá trị 2.071.000đồng; 01 tường bao xây cay bê tông diện tích 13,5m² có giá trị 2.926.800đồng. Anh Cao Ngọc H phải trích trả cho Bà Ngô Thị T giá trị đất 46,9m² đất tương ứng số tiền định giá là 797.300.000đ (bảy trăm chín mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Ngô Thị T, Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ làm các thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị T phải chịu 3.000.000đồng chi phí định giá tài sản và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất, nhưng được trừ vào số tiền 6.000.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng mà bà Toán đã nộp. Xác nhận bà T đã thi hành xong. Anh Cao Ngọc H, Chị Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000đồng chi phí định giá tài sản và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất, để trả cho lại Bà Ngô Thị T 3.000.000đồng.

3. Về án phí: Anh Cao Ngọc H và Chị Nguyễn Thị H phải chịu 35.892.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Ngô Thị T. Anh Cao Ngọc H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hòa trả Anh Cao Ngọc H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí anh Hà đã nộp ghi tại biên lai số AA/2019/0002074 ngày 20/12/2019 do Chi cục Thi hành án huyện L, tỉnh Bắc Giang thu.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện L;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo